



Chương VIII

Những Điều Phật Đã Dạy & Thế Giới Ngày Nay

Có một số người cho rằng Phật Giáo là một hệ thống triết lý thật cao vời và siêu phàm mà mọi người nam nữ đều khó có thể thực hành được trong thế giới hiện tại đầy áp nhữnɡ công việc của chúng ta, và rằng chỉ có những người từ bỏ thế giới hiện tại này để rút lui vào chùa chiền tu viện hoặc một nơi xa lánh thì mới có thể trở thành một Phật tử thực sự.

Đây là một ngộ nhận đáng buồn vì lẽ do thiếu hiểu biết về những điều dạy của Đức Phật. Người ta thường có những kết luận vội vã sai trái từ những gì do nghe được hoặc do thỉnh thoảng đọc được đâu đó, hoặc do những điều được viết bởi vài người thiếu hiểu biết về những phương-diện của Phật giáo nên họ chỉ đưa ra những quan điểm thiên lệch và chủ quan. Thật ra những lời-dạy của Đức Phật không chỉ dành riêng cho giới Tăng, Ni xuất gia ở các tự viện mà cũng dành cho mọi người nam nữ bình thường đang sống ở nhà với gia đình của họ. “*Bát Thánh Đạo*” là lối sống của người theo Phật, được dạy cho tất cả mọi người mà không hề có phân biệt xuất gia hay tại gia.

Đa số mọi người trong thế gian này không thể xuất gia thành tu sĩ, hoặc cũng không thể lẫn tránh vào hang động hay rừng sâu để tu hành. Vì vậy, Đạo Phật dù cao cả và tinh hoa đến đâu, cũng sẽ vô dụng đối với nhân loại nếu đại đa số mọi người không thể thực

hành được trong đời sống hàng ngày và trong gia đình. Nhưng nếu hiểu đúng tinh thần Phật giáo [chứ không phải chỉ hiểu bằng chữ nghĩa, ngôn từ] thì chắc chắn chúng ta có thể thực hành những lời Phật dạy trong khi vẫn sống một cuộc sống bình thường của mỗi người.

Một số người thấy dễ dàng tu theo đạo Phật nếu ở một nơi xa xôi hẻo lánh, tách biệt với xã hội. Cũng có người lại thấy sự tách ly ẩn dật đó làm cho họ buồn chán và bơ vơ cả về vật chất và tinh thần, do vậy kiểu sống đó không giúp ích gì cho sự phát triển đời sống tâm linh và trí tuệ của họ.

Sự từ-bỏ chân chính (cuộc sống phàm phu) không có nghĩa là bản thân mình phải xa lánh khỏi thế gian. Ngài Xá-Lợi-Phất (Sariputta), vị đệ tử đệ nhất trí-tuệ của Đức Phật, đã nói rằng một người A có thể sống trong rừng sâu và xả thân thực hành tu khổ hạnh thanh bần ẩn dật, nhưng trong đầu óc toàn những suy nghĩ bất-tịnh và ô-nhiễm. Một người B có thể sống ở chợ làng đông đúc hoặc ở thành thị, và không thực hành tu khổ hạnh thanh bần ẩn dật, nhưng tâm của anh ta luôn trong-sạch và không bị ô-nhiễm. Trong hai người đó, người B sống ở làng mạc hoặc thành thị đông đúc kia chắc chắn là hơn hẳn và thanh cao hơn người tu khổ hạnh ẩn dật trong rừng sâu kia.¹

Suy nghĩ phổ biến của nhiều người là muốn tu theo đạo Phật thì phải xa lánh khỏi đời sống— đây cũng là một quan niệm sai lầm. Đây chỉ là sự nguy biệch một cách thiếu ý thức để bào chữa cho lý do họ không thực hành theo đạo Phật. Trong kinh văn Phật giáo có rất nhiều bài kinh ghi lại những người nam người nữ sống đời sống

¹ M I (PTS), trang 30-31.

bình thường với gia đình nhưng họ vẫn thực hành một cách hiệu quả những điều Phật dạy, và có thể chứng ngộ những sự giác-ngộ rất cao, thậm chí Niết-bàn. Tu sĩ lang thang Vacchagotta [người mà chúng ta đã gặp trong Chương VI nói về Vô-Ngã] một lần tới gặp và hỏi Đức Phật rằng: “*Trong số nam nữ đệ tử của Đức Phật, có ai đang sống đời sống gia đình mà vẫn có thể thực hành tu tập theo giáo lý của Phật một cách thành công và đã chứng đắc những thánh quả cao quý, hay không?*”. Phật đã trả lời “Có” và không phải chỉ một, hai người, một trăm, năm trăm người, mà còn có nhiều hơn nữa những người thiện nam và tín nữ cư sĩ sống đời sống gia đình đã sống và tu tập theo giáo lý của Phật một cách thành công và đã đạt tới những thánh quả tâm linh cao quý.²

Đồng ý rằng một số người có thể chọn đời sống lánh trần ở một nơi tách ly vắng vẻ, tránh xa sự ồn ào và phiền phức. Nhưng chắc chắn rằng, điều đáng khen và đáng khích lệ hơn là một người nên thực hành lời sống đạo Phật khi sống chung với mọi người, giúp đỡ họ và phụng sự lẫn nhau. Một số người có thể lánh xa xã hội để sống ở một nơi vắng vẻ, tách ly, ẩn dật, yên tĩnh để tu tập cái tâm và phẩm-chất của mình cho tốt thiện hơn. Có thể đó được coi là bước đầu tu tập về Giới-Hạnh đạo đức (Giới), về sự Định-Tâm (Định) và về Trí-Tuệ (Tuệ), để sau đó đủ mạnh mẽ, “vững đạo”, và quay về giúp đỡ người khác. Tuy nhiên, nếu có ai sống một đời sống ở nơi một-mình, chỉ suy nghĩ về hạnh-phúc và sự ‘cứu-rỗi’ cho riêng mình, không quan tâm đến đồng loại xung quanh, thì điều này hoàn toàn không đúng với những điều dạy của Đức Phật vốn dựa vào nền tảng là lòng từ-ái, bi-mẫn và giúp-đỡ phụng sự người khác.

² Ibid, từ trang 490.

Mọi người có thể đặt câu hỏi rằng: “Nếu một người có thể tu tập theo đạo Phật trong khi vẫn sống cuộc đời tại gia bình thường, vậy thì Đức Phật đã sáng lập ra Tăng Đoàn tu sĩ xuất-gia (*sangha*) để làm gì?” Tăng Đoàn là chỗ dành cho những người muốn cống hiến cả đời mình *không chỉ* để tu tập phát triển tâm linh và trí tuệ của riêng mình *mà còn* để cống hiến giúp đỡ người khác.

Một cư sĩ tại-gia không thể nào cống hiến trọn đời mình để giúp đỡ người khác, trong khi đó một tu sĩ xuất-gia không còn trách nhiệm gia đình và không còn những ràng buộc trần tục thì vị đó hoàn toàn có thể phụng sự giúp đỡ **“vì ích-lợi của số đông và vì hạnh-phúc của số đông”**, theo như lời dạy của Đức Phật.

Chính vì vậy nên trong suốt lịch sử của Phật giáo, các tu viện chùa chiền không chỉ là các trung tâm tâm linh để để người xuất gia tu hành mà còn trở thành những trung tâm dạy học và văn hóa [chẳng hạn là nơi để các tu sĩ chỉ dạy mở lớp dạy chữ, dạy về Phật Pháp cho các Phật tử, tu tập về giới-hạnh đạo đức, tu tập thiền...]

(I) Đạo Phật về vấn đề đạo đức trong gia-đình và quan-hệ xã hội

Bài kinh “*Lời Khuyên Dạy Sigàla*” (*Sigala Sutta*, DN 31) do Phật nói đã đề cao sự quan-trọng của đời sống gia-đình và những mối quan-hệ xã hội của một người tại gia.

Một người trẻ tuổi tên Sigala thường thờ cúng 06 phương của vũ trụ— Đông, Tây, Nam, Bắc, Thiên đế và Thiên đĩnh— theo lời dạy và nghi thức mà người cha quá cố đã để lại. Đức Phật nói với chàng trai rằng những “*Nghi Luật thánh nhân*” (*ariyassa-vinaye*) của Đức Phật về 06 phương thì khác. “*Nghi Luật thánh nhân*” theo giáo lý Phật thì: Đông: Cha mẹ; Nam: Thầy Cô; Tây: Vợ con; Bắc:

Bạn bè, những người họ hàng và láng giềng; Thiên đế (dưới Trời): người làm, người ở, nhân viên; Thiên đình (đỉnh Trời): những người tu sĩ, những thánh nhân, những sư thầy tâm linh.

“*Một người nên thờ kính sáu phương như vậy*”, Đức Phật nói. Ở đây, chữ ‘thờ kính’ hay ‘thờ phụng’ (*namass eyya*) thực sự có ý nghĩa, vì ở đây người ta nên “tôn thờ” hay “thờ kính” những điều thiêng liêng, những điều đáng tôn kính, và những điều đáng được tôn thờ. Sáu *phương* hay “sáu nhóm” thuộc gia-đình và xã-hội nói trên được Phật giáo coi là thiêng liêng, đáng tôn trọng và tôn thờ. Nhưng ‘thờ kính’ sáu *phương* đó bằng cách nào?. Đức Phật dạy rằng: ***một người chỉ có thể ‘thờ kính’ sáu phương bằng cách thực hiện những nghĩa vụ với sáu phương đó***, như đã chỉ rõ trong bài kinh.

[Mời quý vị đọc bài kinh này được đăng trong *Chương IX*].

Trong bài kinh, mỗi bên trong mỗi mối quan-hệ như “**Cha mẹ và Con Cái**”, “**Thầy Cô và Học Trò**”, “**Vợ và Chồng**”, “**Chủ và Người Làm**”, và “**Người Tại Gia và Những Người Có Đạo** (những tu sĩ, những sư thầy...)” đều có *những bổn-phận và trách-nhiệm* phải thực hiện cho bên kia. Khi cả hai bên đều biết và làm như vậy, thì có nghĩa là **mối quan-hệ** đó, coi như một *phương*, được thờ kính một cách tốt lành.

(Phần này tác giả có tóm lược những bổn-phận và nghĩa-vụ mỗi bên cần phải làm, nhưng người dịch Việt nhận thấy bài kinh đã ghi ra những điều đó một cách rõ ràng dễ thấy, nên người dịch đã lướt qua đoạn tóm-lược này để tránh sự đọc trùng lặp không cần thiết.)

► Chúng ta đã thấy đời sống của một người tại gia bình thường, cùng với quan-hệ gia đình và những quan-hệ xã hội, đã được khuyên dạy rõ ràng trong “*Nghi Luật thánh nhân*”, và đó cũng là

quy phép tốt lành trong đời sống của những người Phật tử tại gia, mà Đức Phật đã đưa ra. Do vậy bài kinh này còn được coi như là phần “*Giới-Luật dành cho người tại-gia*” vậy.

Do vậy, trong *Bộ Kinh Liên-Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ, SN), có một kinh nói về vua Trời Đế Thích (*Sakka*), vua của những vị trời thần, đã tuyên bố rằng ngài không những sùng kính các tu-sĩ sống đời thánh thiện mà còn kính trọng những cư-sĩ (*upāsaka*, Ưu-bà-tắc) vì họ làm những việc công đức, đức hạnh và gìn giữ đời sống gia đình của họ một cách chân chính.³

(II) Đạo Phật về vấn đề Lễ Nghi, Nghi Thức

Nếu một người có mong muốn trở thành một Phật tử thì không cần phải qua một nghi lễ dẫn nhập (hay rửa tội) gì cả. Khi một người có hiểu-biết về những lời dạy của Đức Phật (Phật Pháp), và nếu tin tưởng những điều Phật đã dạy là con-đường đúng đắn (chánh đạo) và muốn thực hành theo con đường chánh-đạo đó, thì người đó đã trở thành một Phật tử rồi.

Chỉ khi nào người đó xuất-gia để trở thành một Tỳ kheo (*bhikkhu*), tức là trở thành một thành viên của Tăng đoàn, thì người đó phải trải qua một quá trình học-đạo và tu tập giới-hạnh... nhiều và sâu hơn, theo quy định của *Giới-Luật Tỳ Kheo* dành cho những Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni.

Tuy nhiên theo truyền thống lâu đời ở một số quốc gia Phật giáo, mọi người được coi là một Phật tử khi người ấy đã quy y Tam Bảo (*Phật Pháp Tăng*) và chấp nhận sống giữ theo **Năm-Giới**

³ S I (PTS), trang 234.

(*Panca-sila*)— là năm điều giới-hạnh tối thiểu dành cho các Phật tử tại gia, bao gồm:

1. Không sát-sinh
2. Không gian-cấp
3. Không tà-dâm tà dục
4. Không nói-dối nói láo
5. Không uống rượu bia, không dùng những thứ độc hại.

Những điều giới-hạnh này đã được ghi rõ trong các kinh nguyên thủy. Nghi thức **Quy Y** thường được dẫn dắt bởi một tu sĩ xuất-gia (sư thầy), người Phật tử quy y quỳ xuống trước tượng Phật và đọc rõ lời tâm nguyện sống không giữ theo **Năm-Giới** đã nói trên.

Ngoài đó ra không còn những lễ nghi nào khác mà một người Phật tử bắt buộc phải làm trước khi trở thành một Phật tử. **Đạo Phật là một lối-sống và điều cốt-lõi của những người theo đạo Phật là sống theo Bát Thánh Đạo, chứ không phải quan trọng các lễ nghi, cúng bái này nọ.**

Dĩ nhiên, có nhiều nghi lễ Phật giáo ở nhiều nước trên thế giới, có chỗ làm đơn giản, có chỗ tổ chức những nghi-lễ rất tráng lệ huy hoàng. Thường ở những lễ hội Phật giáo có những **tượng Phật, Bảo Tháp** (*stupa* hay *dagapa*) và **Cây “Bồ Đề”** trong các tự viện (là những đối-tượng) để Phật tử thờ cúng, dâng hoa và nhang đèn. Nhưng chúng ta không nên xem các lễ-nghi thờ cúng này như là sự ‘cầu-nguyện’ như trong các tôn giáo hữu thần khác, mà đó chỉ là cách mà mọi người tưởng nhớ đến một Vị Thầy [Đức Phật]— là người đã chỉ ra con đường Chánh-Đạo.

Những nghi lễ truyền thống này mặc dù là không bắt buộc trong Phật giáo nhưng chúng cũng có giá trị làm thỏa mãn những tình cảm và nhu cầu tôn giáo của những thành phần dân chúng vốn có

trình độ trí tuệ và tâm linh (về đạo) còn thấp, và những lễ-nghi đó có giá trị hướng họ đi dần dần vào con đường chánh Đạo.

(III) Đạo Phật về vấn đề kinh tế và xã hội

Những người vẫn suy nghĩ rằng Phật giáo chỉ quan tâm đến những ý tưởng xa vời, những tư tưởng tâm linh và triết học cao siêu, và bỏ qua những phúc lợi về kinh tế và xã hội của mọi người— suy nghĩ như vậy là sai lầm. Đức Phật thực ra đã rất quan tâm đến hạnh-phúc của con người. Đối với Phật, hạnh-phúc của con người không thể có được nếu không sống một cuộc đời trong-sạch dựa trên nền tảng nguyên tắc về đạo đức và tâm linh. Tuy nhiên, Phật cũng biết rằng để sống một đời sống trong-sạch về tâm linh như vậy là rất khó nếu phải ở trong những điều-kiện sống về vật chất và xã hội là khó khăn, nghèo đói, chật vật.

Phật giáo không coi hạnh-phúc vật chất là đích đến, là cứu cánh: nó chỉ là một phương tiện để đạt đến một đích đến cao quý hơn về tâm linh. Những điều-kiện vật chất là cần thiết, là không thể không-có để con người có điều-kiện để đạt đến những hạnh-phúc cao hơn. Vì vậy, Phật giáo cũng nhận thấy được: một điều-kiện vật chất tối thiểu cần có sẽ giúp ích hơn cho việc tu tập để đạt được hạnh-phúc tâm linh cao hơn. Ngay cả những tu sĩ tu thiền ở những nơi vắng vẻ lánh trần cũng cần có một số điều kiện vật chất cần thiết tối-thiểu, (ví dụ tối thiểu cũng cần có thức ăn, quần áo, chỗ ở, và thuốc men khi bệnh đau).⁴

⁴ MA I (PTS), trang 290. Những tu sĩ Phật giáo, những Tỷ kheo trong Tăng Đoàn (*Sangha*), không được có tài sản cá nhân riêng, nhưng được phép giữ tài sản chung của Tăng Đoàn (*sanghika*).

Phật không tách biệt cuộc sống ra khỏi nền tảng kinh tế và xã hội. Phật nhìn nhận nó như một tổng thể, về mọi mặt kinh tế, chính trị và xã hội. Những điều Phật dạy về vấn đề đạo đức, tâm linh và triết lý thì ai cũng biết rồi. Nhưng một số ít người khác, đặc biệt ở phương Tây, không biết nhiều về những lời dạy của Đức Phật về vấn đề **kinh tế** và **xã hội**. Chúng ta có thể đọc thấy trong các bài kinh cổ, có một số bài thuyết giảng của Phật về những đề tài này.

Hãy lấy một vài ví dụ như sau:

— Kinh “*Chuyển Luân Sư Tử Hống*” (*Cakkavattisīhanāda-sutta*), **DN 26**, nói rõ rằng sự nghèo-khó (*dāḷiddiya*) là nguyên nhân của sự vô đạo-đức và tội-lỗi như: trộm cắp, giết chóc, tà đạo, bạo lực, thù oán, độc ác... Những vua chúa ngày xưa [đại diện cho các chính quyền thời đó] chỉ luôn cố đàn áp tội-phạm bằng những hình phạt và tù đầy đau đớn, nhưng họ đã bỏ qua cái nguyên nhân gốc là sự nghèo-đói đã sinh ra tội-phạm khắp nơi. (Bản cùng sanh đạo tặc).

— Kinh “*Cứu-La-Đàn-Đầu*” (*Kūṭadanta-sutta*), cũng thuộc bộ kinh **DN**, đã giải thích sự vô ích của những hình phạt đó, trong kinh Phật đã cho rằng phương pháp ấy sẽ không bao giờ thành công. Thay vì vậy, Phật đề nghị muốn diệt tận gốc tội lỗi thì cần phải *cải thiện điều kiện kinh tế* cho con người: cần phải cung cấp cho tá điền và nông phu hạt giống và phương tiện trồng trọt; cung cấp vốn liếng cho những thương gia và người buôn bán; cấp đủ lương hướng thích đáng cho những người làm công vụ công sở. Khi mọi người đều được cung cấp cơ hội để kiếm được lợi tức đầy đủ thì họ sẽ bằng lòng, không còn sợ hãi lo âu, và vì vậy xứ sở sẽ thanh bình,

không có các tội phạm, (và mọi người sẽ được vui sống hạnh phúc cùng con cháu trong những ngôi nhà không cần khóa cổng).⁵

Vì những điều đó, Đức Phật đã giảng cho những Phật tử tại gia điều quan trọng của việc “cải-thiện điều kiện kinh tế”. Điều này không có nghĩa là khuyên mọi người làm giàu với lòng tham lam và chạy theo chủ nghĩa vật chất, điều đó thì bị ngược lại với giáo lý căn bản của Phật. Phật cũng không tán đồng với những việc làm bằng bất kỳ phương tiện hay nghề nghiệp nào để mưu-sinh, việc làm nào cũng phải là chân-chính. Chẳng hạn như một số nghề nghiệp như sản xuất buôn bán vũ khí, ma túy, giết hại sinh vật... thì Phật không coi là sự mưu-sinh lương thiện (*chánh mạng*) mà là nghề nghiệp bất chính (*tà mạng*), như chúng ta đã thấy trước đây trong các bài dạy của Phật cho những người tại gia.⁶

— Một người tên là Dighajanu đã đến thăm Đức Phật và thưa rằng: “Thưa Thế tôn, chúng con là những người thế tục tại gia đang sống cùng gia đình vợ con. Mong Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con những giáo lý để theo đó chúng con có được hạnh-phúc trong đời này và kiếp sau.”

Phật khuyên dạy ông ta rằng có 04 điều giúp một người có được hạnh-phúc trong đời này:

(1) Trước tiên, là phải có kỹ năng (tháo vát, khéo léo), có hiệu quả, nhiệt thành, và nỗ lực trong công việc nghề nghiệp mình làm, và phải hiểu biết rõ nghề nghiệp của mình (*utthana-sampada*).

⁵ D I (Colombo, 1929), trang 101.

⁶ A (Colombo, 1929), từ trang 786. Xem chương V, “Diệu Đế Thứ Tư”, “Con đường Bát Chánh đạo”.

(2) Thứ hai, phải biết bảo vệ thu nhập của mình đã làm ra một cách chân chính, bằng công sức mồ hôi của mình (*arakkha-sampada*). [Điều này có nghĩa là bảo vệ tài sản của mình khỏi bị mất do trộm cắp hay bị tịch thu, tương ứng với bối cảnh lịch sử vào thời xa xưa đó.]

(3) Thứ ba, cần phải có bạn-tốt (*kalyana-mitta*) là những người chân thành, có học, có đức hạnh, và có trí để giúp đỡ khuyên bảo mình đi theo đường thiện, tránh xa đường xấu ác.

(4) Thứ tư, phải biết tiêu xài tiền bạc một cách hợp lý, đúng đắn, không nên tiêu xài quá nhiều mà cũng không nên quá hà tiện. Có nghĩa là không nên hà tiện để tích trữ tài sản như của núi, nhưng cũng không nên tiêu xài hoang phí. Nói cách khác là nên tiêu xài hợp lý trong giới hạn những điều-kiện của mình (*samajivikata*).

- Rồi sau đó Đức Phật dạy bốn đức-hạnh cần có để giúp một người có được hạnh-phúc trong kiếp sau:

(1) Niềm-Tin (*saddhā*): phải có lòng-tin hay sự tự-tin vào những giá-trị về đạo đức, tâm linh, và trí tuệ.

(2) Giới-Hạnh (*silā*): phải kiêng cử những sự sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại.

(3) Bố-Thí (*cāga*): phải thực hành sự lòng rộng-lòng, sự bố-thí, sự cho-đi, sự cúng-dường, sự chia-sẻ, sự giúp-đỡ...; không dính-chặt và tham-chấp của cải, tài sản, quyền lợi của mình.

(4) Trí-Tuệ (*paññā*): phải tu tập phát triển trí-tuệ giúp dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, chứng ngộ Niết-bàn.⁷

⁷ A (Colombo, 1929), từ trang 786.

— Những chỗ khác thì Phật đã đi vào chi tiết một cách cụ thể về cách tiết-kiệm và tiêu-xài tiền bạc của cải. Ví dụ, Phật đã chỉ dạy chàng thanh niên Sigala (và nhiều gia chủ khác) rằng: họ nên sử dụng $\frac{1}{4}$ thu-nhập của mình vào sự tiêu-dùng hằng ngày, dành $\frac{1}{2}$ thu-nhập để đầu tư vào công việc làm ăn để sinh lợi, và để dành riêng $\frac{1}{4}$ thu-nhập để đề phòng cho chi dùng những việc khẩn cấp, không may, hoạn nạn.⁸ (Và trong phần tiêu xài mỗi ngày là gồm có cả phần dùng để giúp đỡ nuôi dưỡng cha mẹ, người thân...)

— Có lần, Đức Phật nói với gia chủ Cấp Cô Độc, một nhà tài phiệt lớn, ông là một trong những cư sĩ mộ đạo và thí chủ lớn nhất của Đức Phật, ông đã bỏ tiền xây và cúng dường Tịnh Xá Kỳ Viên nổi tiếng, (thường gọi là Kỳ Viên (Jetavana), hoặc trong các kinh thì nói rõ là Tịnh Xá Cấp Cô Độc) ở Savatthi (Xá-vệ), rằng: có 04 loại niềm hạnh-phúc trong đời sống tại gia một người bình thường. Bốn đó là:

(1) Được hưởng thụ đầy đủ về kinh tế, có đủ tài sản kiếm được bằng những phương tiện nghề nghiệp lương thiện và chân chính. Đó là niềm vui-sướng vì có tài sản của cải (*atthi-sukkhā*; sở-hữu lạc).

(2) Được tiêu dùng tài sản của cải đó một cách rộng rãi tự do cho chính mình, cho gia đình, bà con, bè bạn và cho những việc từ thiện, công đức. Đó là niềm vui-sướng vì được tiêu xài đúng mục đích theo ý muốn (*bhoga-sukkhā*; thọ-dụng lạc)

(3) Không bị nợ nần. Đó là niềm vui-sướng vì không bị nợ nần (*anana-sukkhā*; vô trái lạc).

⁸ D III (Colombo, 1929), trang 115.

(4) Sống một đời trong-sạch, thanh-tĩnh, không vi phạm những điều xấu-ác trong từng hành-động, lời-nói, và ý-nghĩ (thân, miệng, tâm). Đó là niềm vui-sướng vì không dính nghiệp xấu, không dính tội lỗi (*annavajja-sukkha*; vô tội lạc)

Ở đây, ta chú ý rằng, trong 04 yếu-tố mang lại sự hạnh-phúc nói trên thì có đến 03 yếu-tố thuộc về **kinh tế vật chất**, và cuối bài kinh Đức Phật đã nhắc cho ông Cấp Cô Độc rằng: niềm hạnh-phúc về kinh tế và vật chất thì “**không đáng 1/16**” của niềm hạnh-phúc về tâm linh một người có được từ một đời sống trong sạch, cao đẹp, và phi tội lỗi.⁹

► Từ một vài ví dụ vừa nêu ra ở trên, mọi người đều có thể thấy rằng: **Đức Phật đã xem phúc lợi kinh tế là cần thiết cho sự hạnh-phúc của đời sống con người, nhưng con người không nhận ra rằng những hạnh-phúc từ vật-chất đó không phải là sự tiến bộ thật sự và đúng nghĩa nếu nó không dựa trên nền tảng về đạo-đức và tâm-linh.** Trong khi khuyến khích để có được những tiến-bộ trong đời sống kinh tế vật chất để được sống khỏe mạnh và an lạc, Phật giáo cũng luôn luôn nhấn mạnh chính sự tu dưỡng về đạo-đức và tâm-linh mới tạo ra một xã hội thật sự hạnh-phúc, thanh-bình, và hài-lòng.

(IV) Đạo Phật về vấn đề chính trị

Đức Phật cũng có giảng giải quan-điểm của mình về **chính trị, chiến tranh, và hòa bình**. Một điều ai cũng biết là Phật giáo xưa nay luôn chủ trương “*sự bất bạo lực và hòa bình*” như một *thông-*

⁹ A (Colombo, 1929), trang 232-233.

điệp nhấn nhủ cho cả thế giới này. Phật giáo chưa bao giờ đồng tình với bạo lực và chiến tranh, và sự hủy diệt hay làm hại sự-sống.

— Theo Phật giáo, không có cuộc chiến tranh nào có thể được gọi tên là ‘cuộc chiến công bằng’— đó chỉ là từ ngữ nguy hiểm, chỉ giống như đồng tiền giả được đúc ra để lưu hành, để biện minh cho lòng thù hận, sự tàn nhẫn, bạo động và giết chóc mà thôi. Ai quyết định cái gì là chân-chính và cái gì là bất-chính? Kẻ mạnh, kẻ chiến thắng là ‘chân chính’; còn kẻ yếu, kẻ bị đánh bại trở thành kẻ ‘bất chính’. Luôn luôn vậy, cuộc chiến ‘của chúng tôi’, ‘của ta’ là ‘chân chính’ và cuộc chiến ‘của các ông’, ‘của phe kia’ là bất chính. Phật giáo không chấp nhận quan-điểm chủ quan theo kiểu này.

Đức Phật không chỉ giảng dạy về bất bạo lực và sự hòa bình, mà bản thân Phật cũng tự thân đi đến nơi đang có chiến tranh để can thiệp và ngăn cản chiến tranh, ví dụ như trong trường hợp cuộc chiến của những người xứ Thích-Ca (*Sākya*) và những người xứ Câu-Lợi (*Koliya*), họ sắp đánh nhau vì tranh chấp nước sông Rohini. Và trong một lần khác, những lời của Phật cũng đã ngăn được vua A-xà-thế (*Ajātasattu*) không tấn công vương quốc Bạt-kỳ (*Vajji*).

— Vào thời Đức Phật còn sống, (cũng như ở nhiều nơi thời nay), các nhà cầm quyền đã cai trị đất nước một cách bất công. Người dân bị đàn áp và bóc lột, hành hạ và đày đoạ, sưu cao thuế nặng, và những hình phạt khốc liệt dành cho người dân nếu bị cho là vi phạm luật lệ của nhà cầm quyền. Đức Phật đã rất xúc động trước những việc vô nhân đạo như vậy.

Trong quyền “*Chú Giải Tập Kinh Pháp Cú*” (*Dhammapadam-atthakathā*) có ghi rằng: Ngày đó, Phật đã rất chú tâm đến việc giải quyết vấn đề sai trái để mang lại một nền cai trị và một chính quyền

tốt đẹp. Quan điểm của Phật (về nhà cầm quyền lúc đó) đáng được đề cao trong bối cảnh xã hội, kinh tế và chính trị thời đó.

Phật đã chỉ ra được những nguyên-nhân khiến toàn thể một đất nước “lúc đó” có thể trở nên suy đồi, thối nát và bất hạnh khi những người cầm đầu chính quyền cai trị, đứng đầu là “Vua”, các bộ lại và quan chức, đều thối nát và bất công. Muốn cho dân một nước được an lạc an ổn, cần phải có một nền cai trị, một chính phủ công bằng. Một nền cai trị công bằng có thể được thực hiện bằng cách nào? Đức Phật đã nói rõ trong bài thuyết giảng của mình về **“Mười Nhiệm Vụ của Nhà Vua”** (*Dasa-rāja-dhamma*, Thập Vương Pháp) như đã được ghi lại trong kinh về chuyện tiền thân của Đức Phật (*Jākata*).¹⁰

Dĩ nhiên là chữ ‘Vua’ (*Raja*) ở đây có thể được dùng để chỉ toàn bộ những ‘nhà cầm quyền’ hoặc ‘chính quyền’ thời sau Phật. Vì vậy, **“Mười Nhiệm Vụ Của Nhà Vua”** có thể được áp dụng cho một chính quyền, những người đứng đầu một chính quyền, các bộ trưởng, lãnh đạo chính trị, cả quan chức lập pháp cũng như hành pháp... vào thời Phật cũng như thời sau Phật. Mười đó là gì:

(1) **Bố-Thí (*dāna*)**. Người cai trị không được tham-lam và giữ-chặt sự giàu có cá nhân, tài sản, tiền của, mà phải bố-thí, phân-phát, phân-phối (ngân sách, kinh tài) vì phúc-lợi xã hội, và nên sử dụng nó làm của nhân dân.

(2) **Giới-Hạnh** đạo đức cao đẹp (*sīla*). Một nhà vua (hay người lãnh đạo chính quyền) thì (i) không nên tùy tiện sát-sinh, hủy diệt sự-sống sinh vật, giết hại dân lành; (ii) không gian-cấp, lừa bịp,

¹⁰ Jataka I, 260, 399; II 400; III, 274, 320; V, 119, 378.

cướp bóc, tịch thu, và bóc lột người dân; (iii) không được tà-dâm, quan hệ tính dục bất chính; (iv) không nói-dối nói láo, nói lời sai quấy, thất đức; (v) không rượu chè (hay hút chích...). Nghĩa là, ít nhất một nhà vua (và những người đứng đầu chính quyền) cũng phải sống giữ được Năm Giới-Hạnh căn bản như một người tại gia bình thường vẫn nên làm.

(3) **Hy-Sinh** tất cả vì hạnh-phúc của dân chúng (**pariccaga**), một nhà vua (hay người nắm chính quyền) ông phải sẵn sàng từ-bỏ mọi tiện-nghĩ vật chất của cá nhân mình, tên tuổi, danh vọng và ngay cả sự-sống của mình, nếu cần, vì lợi-ích của số đông nhân dân.

(4) **Chân-thật và Liêm-chính (ajjava)**. Một nhà vua (hay những người đứng đầu đất nước) thì không được sợ-hãi và thiên-vị khi thực thi hành trách-nhiệm, phải thành-thật trong mọi quyết định, và phải liêm-chính, không được đánh-lừa quần chúng (vì nếu đánh lừa quần chúng có thể sẽ dẫn tới những hậu quả khủng khiếp như bạo loạn, chiến tranh...).

(5) **Sự Tử-tế và Nhẹ-nhàng (maddava)**. Nhà vua nên có tính tình hòa nhã, tử tế, và nhẹ nhàng.

(6) **Sự Kiểm-Chế**. Nhà vua nên biết từ bỏ những thói quen xấu (**tapa**). Ông phải sống một đời sống vừa phải và không nên quá xa hoa, xa xỉ. Ông phải biết tự chủ và kiểm chế trong mọi vấn đề.

(7) **Không sân-hận, ác-ý, thù-ghét (akkodha)**. Nhà vua không nên có những sự tư-thù với bất cứ ai [vì những mối thù có thể khiến ông phải trả giá bằng nhiều quyền lợi và sinh mạng của nhiều người dân khác].

(8) **Sự Bất Bạo Lực (avihimsā)**, điều này không những có nghĩa là không được làm hại ai, mà còn có nghĩa người lãnh đạo

một nước phải cố tạo sự hòa-bình bằng cách tránh và ngăn chặn chiến tranh và mọi sự việc có dính dáng hay dẫn tới sự bạo lực, bạo hành, và sát hại sinh mạng dân chúng.

(9) **Kiên-nhẫn, Chịu-đựng, Bao-dung, Hiểu-biết (*khanti*).** Một vị vua hay người lãnh đạo đất nước phải có bản lĩnh chịu đựng được những bất trắc, khó khăn, khổ nhọc, và cả những sự phê bình, nhục mạ mà không mất bình tĩnh.

(10) **Không đối-lập, không đối-ngịch (*arivodha*),** nghĩa là ông không được đi ngược với ý chí của đại đa số dân chúng, không được đối nghịch và ngăn cản những chính-sách và biện-pháp đưa đến phúc-lợi và an-toàn cho nhân dân. Nói cách khác, về toàn bộ quốc sách chính, ông phải cai trị **thuận với ý chí của dân.**¹¹

Nếu một nước được cai trị bởi một người có những đức tính như vậy, thì dĩ nhiên không cần phải nói là nước ấy chắc chắn rất hạnh phúc. Nhưng đây không phải là một điều không tưởng, vì trong quá khứ đã có những ông vua như A-dục (*Asoka*) của Ấn Độ đã thiết lập và cai trị các vương quốc của mình dựa trên những ý dạy đó của Phật.

— Thế giới ngày nay sống sự sợ hãi, căng thẳng và hoài nghi liên tục. Khoa học đã sản sinh ra những loại vũ khí có sức hủy diệt ngoài sức tưởng tượng. Họ càng ngày càng phát minh ra những vũ khí giết chóc tàn khốc, và những thế lực khác nhau dùng chúng để

¹¹ Ở đây chúng ta biết một điều thú vị là *Năm-Giới* (*Pancha-sīla*) đã được chính phủ Ấn Độ đưa vào thành quy định trong ngành ngoại giao Ấn Độ, giống hệt theo những nguyên-tắc của Phật mà Vua Asoka, vị vua Phật giáo lỗi lạc của Ấn Độ, cũng đã áp dụng từ xưa cho nền cai trị của triều đại ông vào thế kỷ thứ 3 trước CN. Danh từ “*Panca-sīla*” (*Năm Giới*) được ngành ngoại giao Ấn Độ dùng chính là chữ của Phật giáo.

đe dọa và thách thức lẫn nhau, các nước tranh chấp cứ huênh hoang khoe khoang một cách không hổ thẹn về khả năng hủy-diệt và tàn-phá thế giới của mình là mạnh và siêu hơn khả năng đó của các đối thủ khác.

Họ đã đi quá xa trên *con đường điên rồ* đó đến nỗi ngày nay nếu bên nào không nhịn và chỉ cần bước thêm một bước, thì kết quả sẽ không là gì ngoài ra sự hủy-diệt lẫn nhau, và có thể dẫn tới sự hủy-diệt toàn thể loài người! (Tác giả viết điều này vào năm 1958. Từ đó đến nay đã là đã là 62 năm và thế giới chưa có một ngày nào không có chiến tranh lớn nhỏ, thậm chí là thường xuyên có nhiều cuộc chiến tranh lớn và xung đột lớn đã liên tục xảy ra trên thế giới trong nhiều thập niên sau của thế kỷ trước; và cuộc chạy đua chế tác vũ khí hủy diệt thế giới vẫn chưa bao giờ ngừng lại).

Nhân loại đang sống trong niềm hoảng-sợ trước những thực trạng mà chính họ đã tạo ra; loài người có lẽ phải tìm một lối-thoát, một giải-pháp nào đó. Nhưng không có giải pháp nào ngoài giải pháp mà Phật đã đề xướng: **“Đó là thông điệp của Phật về sự Bất Bạo Lực và sự Hòa Bình, lòng thương-mến và lòng từ-bi, về sự khoan-dung và hiểu-biết lẫn nhau, về chân-lý và trí-tuệ, về sự tôn-trọng và đề-cao dành cho mọi sự-sống, về sự dứt-bỏ lòng ích-kỷ, hận-thù và bạo-lực”**. Những điều của thông điệp này không lẽ có gì sai trái hay lạc hậu hay sao?

- Đức Phật lịch sử đã nói:

*“Hận-thù không bao giờ làm nguôi hận-thù; chỉ tình-thương mới xua tan được hận-thù. Đó là một chân-lý của muôn đời.”*¹²

¹² Dhp., I 5.

“Người ta nên lấy từ-bi để thắng lút hận-thù; lấy lòng-tốt đối lại với sự xấu-xa; lấy sự rộng-lòng đối lại sự ích-kỷ; và lấy sự chân-thật đối lại với dối-trá.”¹³

- Con người không thể nào có hạnh-phúc an-vui khi họ vẫn còn tham-muốn chinh phục và chi phối đồng loại. Phật đã nói:

“Kẻ chiến thắng thì nuôi chuốc hận-thù; kẻ chiến bại thì ngã gục trong đau khổ. Người nào khước từ cả thắng lẫn bại, sẽ được hạnh-phúc và an-vui.”¹⁴

- Chỉ có sự chinh phục chính bản thân mình mới đem lại hạnh-phúc và sự bình-an đích thực:

“Người ta có thể chiến thắng hàng triệu người trong chiến trận, nhưng chiến thắng với chính mình, chỉ một chính mình, mới là chiến thắng vĩ đại nhất.”¹⁵

- Có thể bạn vẫn cho rằng: những điều đó được nói ra thì trông rất đẹp, rất cao thượng và đáng quý, nhưng chúng không thực tế trong đời thực. Vậy thì, sống trong thù-hận lẫn nhau là thực tế hơn chăng? Hay, sự giết chóc lẫn nhau là thực tế chăng? Hay, sống trong những nỗi sợ-hãi và hoài-nghi lẫn nhau bất tận giống như những bầy thú hoang sống trong rừng già là thực tế chăng?

Đã bao giờ thù-hận được dập tắt bởi những sự thù-hận chưa? Có bao giờ điều-ác được dập tắt bởi những điều ác-độc hơn chưa?— Hay là chỉ ngược lại? Hãy lấy những ví dụ cá nhân đơn giản thì sẽ thấy rằng sự thù-hận chỉ được xóa bỏ bằng sự hiểu-biết

¹³ Ibid., XVII 3.

¹⁴ Ibid., XV 5.

¹⁵ Ibid., VIII 4.

và thương-mến, sự tử-tế, và rằng sự ác-độc, xấu-xa chỉ được chinh phục bởi lòng-tốt, bởi những điều thiện-lành mà thôi.

Bạn có thể vẫn cho rằng những điều đó có thể là đúng, và có thể chỉ áp dụng được cho trường hợp cá-nhân giữa vài người, chứ không thể nào thực hiện được trong những xung đột quyền lợi và chính sự trong cả quốc gia và ngoài quốc tế. Vậy cái gì làm ra một quốc gia nếu không có những cá-nhân? Cái ‘quốc gia’ hay ‘chính thể’ đó không làm gì cả: chính những cá-nhân con người trong cái ‘quốc gia’ đó hành động. Những gì những cá-nhân con người suy nghĩ và hành động chính là trước sau dẫn tới những hành-vi số đông của cái ‘quốc gia’ hay ‘chính thể’ đó.

Thực ra, những gì áp dụng được cho cá-nhân con người thì sẽ áp dụng được cho quốc gia và chính thể! Nếu hận-thù có thể được xóa bỏ bằng tình thương-mến và sự tử-tế giữa những cá-nhân con người, thì điều đó cũng áp dụng được cho những hận-thù của các bên trong một nước và trong những xung đột chiến tranh quốc tế. Ngay cả một cá-nhân muốn đem tình-thương để đáp lại sự hận-thù thì anh ta cũng phải có một lòng can-đảm, sự mạnh-mẽ và sự tin-tưởng vào “sức-mạnh của đạo lý”. Như vậy có phải chăng chúng ta cần phải *có thêm* nhiều tình thương-mến, sự cố-gắng và lòng-tin vào sức-mạnh đạo lý đó để giải quyết các xung đột trong xứ sở hay quốc tế bằng con đường bất bạo lực, hay không?

Nếu khi bạn nói “không thực tế” với ý là “không dễ dàng”, thì bạn đúng rồi. Vì chắc chắn điều đó không dễ dàng chút nào! Nhưng chúng ta cần phải thử, phải cố gắng. Bạn có thể lại nói thêm rằng: ‘Sự thử, sự cố gắng có thể rủi ro hay mạo hiểm’. Nhưng chắc chắn không còn gì rủi-ro và nguy-hiểm hơn việc cuộc “thử” chiến tranh hạt nhân! Chúng ta đã chần chừ quá lâu trong lịch sử để đến ngày hôm nay (1958) đã có nhiều thế lực và quốc gia đã và đang sở hữu

những loại vũ khí này và cả thế giới đang sống trong nỗi sợ-hãi, hoài-nghi và thù-hận từng ngày.

Thật là một điều an ủi và khích lệ cho chúng ta ngày nay khi nghĩ lại rằng: ít nhất trong lịch sử nhân loại cũng từng có một vị vua cai trị lỗi lạc, đã có can đảm, đức tin và tầm nhìn xa đủ để áp dụng lời dạy này của Phật về bất bạo-lực, hòa-bình và tình-thương trong sự cai trị một đế quốc rộng lớn về trong cả nội bang lẫn ngoại giao: đó là **Vua Asoka** (A-dục vương), vị Hoàng đế Phật tử của Ấn Độ (thế kỷ thứ III trước Công nguyên) – “**người con yêu quý của các vị Trời**”, như ông đã được mệnh danh.

Thời đầu, ông theo gương của vị vua cha (*vua Bindusara*) và ông nội (*Chandragupta*) với tham vọng hoàn thành việc chinh phục bán đảo Ấn Độ; ông đã đánh chiếm xứ Kalinga, sát nhập nó vào đế quốc mình. Hàng trăm nghìn người bị giết, bị thương, bị tra tấn và bắt làm tù binh trong trận này. Nhưng về sau, khi trở thành một Phật tử, ông đã hoàn toàn thay đổi và chuyển nghiệp nhờ giáo lý của Phật. Trong một tuyên ngôn nổi tiếng của ông khắc trên trụ đá (“**Trụ Đá XIII**”, tên thường gọi bấy giờ), nguyên bản còn có thể đọc được hôm nay, đã nói đến sự chinh phục Kalinga, hoàng đế A-dục đã công khai bày tỏ sự “sám hối” của ông và nói ông “*vô cùng đau đớn khi nghĩ về sự tàn sát đó*”. Ông tuyên bố công khai rằng ông sẽ không bao giờ rút gươm đao ra để làm một việc chinh phục nào nữa, nhưng ông cầu-mong “*tất cả mọi chúng sinh có được sự sống bất bạo-lực, sự biết tự-chủ, tu tập sự tĩnh-lặng và sự hiền-từ*”. Điều này dĩ nhiên được coi là một “*sự chinh phục lớn chính mình*” của “*Người con yêu dấu của các vị Trời*” (Vua A-dục), là sự chiến-thắng bản thân nhờ lòng mộ-đạo, sự chiến-thắng bằng giáo-pháp (*dhamma-vijaya*).

Không những bản thân ông từ bỏ chiến tranh, mà ông còn bày tỏ sự mong-muốn rằng: *“Các con của ta và cháu nội của ta cũng đừng nghĩ về một cuộc chinh phục (xứ sở) nào khác được coi là đáng làm nữa... Hãy để cho chúng chỉ nghĩ đến một sự chinh phục duy nhất là chinh phục bằng lòng mộ-đạo (bằng giáo pháp, chánh đạo). Điều đó sẽ tốt cho đời nay và đời sau.”*

Đây là một ví dụ duy nhất trong lịch sử nhân loại “về một ông vua chinh phạt đang ở ngay đỉnh cao của quyền lực và sức mạnh của mình, đang có thể tiếp tục chinh phạt nhiều lãnh thổ khác”, nhưng đã từ bỏ chiến tranh và bạo lực để quay lại với hòa bình và bất bạo động.

Đây là một bài học cho thế giới hôm nay! Một nhà cai trị đã quay lưng lại với chiến tranh và bạo lực, và gửi thông-điệp hòa-bình và bất bạo-lực cho toàn thể thế gian. (Nghệp lành thì quả lành). Lịch sử cũng không có một chứng cứ nào ghi lại có bất kỳ nước láng giềng nào lợi dụng tuyên bố từ bỏ chiến tranh và bất bạo lực của vua A-Dục để tấn công lại ông bằng quân sự, hoặc có bất kỳ sự trả thù hay bạo lực nào đã xảy ra trong nội bộ quốc gia đối với ông trong suốt thời gian sống còn lại của ông. Ngược lại, hòa-bình đã được thiết lập khắp nơi trên đất nước của ông, và các nước hầu như cũng chấp nhận làm nước chư hầu dưới sự lãnh đạo nhân từ của ông.

Nếu nói về sự gìn giữ hòa bình *“bằng cách cân bằng các thế-lực hoặc cân bằng sự đe-dọa vũ khí hạt nhân”* giữa các bên xung đột trên thế giới, thì đó là một điều quá đáng buồn cười. Sức mạnh vũ trang chỉ có thể gieo rắc sự sợ-hãi, chứ làm sao tạo ra sự hòa-bình! Và không thể nào có nền hòa-bình thực sự và dài lâu nào nằm bên cạnh những sợ-hãi. Sự sợ-hãi chỉ có thể sinh ra lòng thù-hận ác độc, và sự thù-hận có thể bị đè nén một thời gian nhưng sẵn sàng

bùng dậy và trở nên bạo tàn bất cứ lúc nào. Hòa-bình thực sự và bền vững chỉ có thể có được trong một bầu không khí nhân-tử (*mettā*), thân thiện, không còn những sự sợ-hãi, nghi-ngờ và nguy-hiểm bao quanh.

(V) Mục Tiêu của Đạo Phật

Đạo Phật nhắm đến việc xây dựng một xã hội mà ở đó, người ta từ bỏ việc tranh giành thế lực (vì tranh đấu thì sẽ phải gây ra chết chóc, điêu tàn). Ở đó, hòa-bình và sự lắng-dịu ngự trị, không cần có chiến thắng và chiến bại. Ở đó, sự áp bức người vô tội phải bị mạnh dạn tố cáo. Ở đó, một người tự thắng mình được kính trọng hơn người chiến thắng hàng triệu người khác bằng chiến tranh quân sự hay kinh tế. Ở đó, thù hận được chinh phục bằng lòng tốt và cái ác được chinh phục bởi điều thiện. Ở đó, những xung khắc, sự ganh ghét, ác độc và tham lam không làm mờ mắt hay làm vẩn đục tâm trí con người. Ở đó, lòng từ-bi bác-ái là động lực cho mọi hành-động. Ở đó, tất cả chúng sinh, kể cả những sinh vật nhỏ bé nhất, đều được đối xử bằng sự công bằng, bằng sự quan tâm và lòng thương mến.

Và ở đó, một đời sống chan hòa, bình yên trong điều kiện vật chất đủ ấm no, với tinh thần hướng thượng tới mục-đích tâm linh cao quý nhất: *(Đó là nhìn thấy và chấm dứt sự Khổ đau bất tận của những vòng đời, chấm dứt vòng sinh-tử từ vô thủy, thoát khỏi vô-thường, thoát khỏi những âu-lo và nỗi-buồn thiên cổ của kiếp người: sinh, già, chết...)*— và chúng ngộ Sự Thật Tột Cùng, Niết-bàn.

